

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V ĐỒN
TỈNH QUẢNG NINH

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Định, bà Hoàng Thị Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chính - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28/3/2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Quảng Ninh, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 47/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 04/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/HSST-QĐ ngày 24/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/HSST-QĐ ngày 22/02/2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Ngọc Đ** - Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 10/02/1989 tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: tổ 6, khu 3, phường T, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn N (đã chết) và bà Lê Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/10/2008 bị Toà án nhân dân thị xã C (nay là thành phố C) xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị bắt tạm giam ngày 18/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn P** - Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 01/01/1989 tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: tổ 4, khu 3, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nghề

nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Phạm Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam ngày 18/9/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Phụng: bà Dương Thị H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ: Tầng 14 trụ sở liên cơ quan số P, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

3. Họ và tên: **Trương Anh T** - Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 27/10/1990 tại thành phố C, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: thôn Đông T, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang T và bà Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 20/6/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

4. Họ và tên: **Đinh Mai N** - Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 05/02/1996 tại huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Quảng N (đã chết) và bà Trịnh Thị H; vợ: Vũ Hải A; có 03 con: con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú ngày 22/6/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn D** - Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 30/12/1992 tại huyện V, tỉnh Quảng Ninh.

Nơi thường trú: thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Châu Thị L; vợ: Phạm Thị H; có 02 con: Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 20/6/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1972; nơi thường trú: tổ L, khu A, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Chị Trương Thị T, sinh năm 1991; nơi thường trú: thôn D, xã H, huyện V,

huyện V, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/6/2023, Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P đến nhà của Nguyễn Hùng C (sinh năm 1972, trú tại tổ K, khu A, phường C, thành phố C), để ăn cơm và uống bia. Sau khi ăn uống xong, C đề nghị góp tiền mua ma túy cần sa về nhà C để cùng sử dụng thì Đ và P đều đồng ý. C gọi điện thoại cho Trương Anh T để hỏi mua ma túy cần sa. T đồng ý và bảo C sang nhà T. C cho số điện thoại của T cho Đ để Đ liên hệ với T mua ma túy cần sa và đưa cho Đ 400.000 đồng để góp tiền mua ma túy. Còn P nói đã góp 100.000 đồng mua bia uống nên không còn tiền, Đ và P có tiền thì bù vào cho P để mua ma túy về cùng sử dụng, đồng thời P xin đi mua ma túy cùng Đ thì Đ đồng ý. Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14S1-015.88 chở P đến nhà T tại thôn Đ, xã Đ, huyện V gặp T ngoài cửa nhà. Sau đó, T, Đ, P đến quán nước của chị Trương Thị T (sinh năm 1991, trú tại thôn D, xã H, huyện V) thuộc thôn Đ, xã Đ, để uống nước. P, Đ, T cùng nhau ngồi uống nước tại một bàn. Đ lấy 1.000.000 đồng gồm hai tờ tiền mỗi tờ mệnh giá 500.000 đồng để ra bàn uống nước. Do đã thỏa thuận từ trước nên T hiểu ý Đ để số tiền trên lên bàn uống nước để T đi mua ma túy. Sau đó, T cầm số tiền trên đi bộ ra ngoài quán nước gọi điện thoại cho Đinh Mai N hỏi mua 1.000.000 đồng ma túy cần sa và nói N mang đến cho T thì N đồng ý. Khoảng 10 phút sau, N đến chỗ T đang đứng và đưa cho T 02 (hai) túi nilon trong suốt bên trong chứa ma túy cần sa, T đưa cho N 1.000.000 đồng. Sau đó, T cầm hai túi nilon trên mang về quán nước và để trên bàn uống nước. Thấy vậy, Đ lấy một túi nilon chứa cần sa cất vào trong túi quần, còn một túi nilon chứa cần sa Đ mở ra, lấy búp cần sa ra xé nhỏ để T, Đ và P cùng sử dụng ngay tại quán nước. Khi Đ xé xong thì T lấy một chiếc điều cày ở gầm bàn uống nước và một chiếc bật lửa trên bàn uống nước rồi lấy cần sa mà Đ đã xé nhỏ, cho vào điều sử dụng. Sử dụng xong, T đưa điều cày vào tay Đ để Đ sử dụng. Đ sử dụng xong thì đưa điều cày cho P sử dụng. Sử dụng xong, P gói phần cần sa chưa sử dụng hết vào tấm thẻ điện thoại, cất vào trong người. P sử dụng xong thì không ai sử dụng nữa. Đ lấy trong túi nilon một búp cần sa, gói vào túi bóng vỏ bao thuốc lá và đưa cho T để trả công mua ma túy cho Đ. Sau đó, Đ, P, T ra về. Chị Trương Thị T đã giao nộp cho cơ quan Công an chiếc điều cày và bật lửa tại bàn của Đ, P, T.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, khi Đ điều khiển xe mô tô để chở P quay về nhà C, trên đường đến khu vực thôn Đ, xã Đ, huyện V, thì bị Công an huyện V kiểm tra hành chính, thu giữ của Đ: 02 túi nilon chứa 1,879 gam ma túy cần sa; 01 điện thoại Samsung và 01 xe mô tô BKS 14S1-015.88; thu giữ của P: 01 thẻ nạp điện

thoại gặp nhiều lần, bên trong chứa 0,074 gam ma túy cần sa; 01 điện thoại Realme.

Quá trình điều tra xác định: Nguồn gốc ma túy cần sa Ngọc bán cho T là do N mua của một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch trên mạng xã hội vào ngày 14/6/2023, N đã sử dụng một phần, phần còn lại bán cho T. Số tiền 1.000.000 đồng có từ việc bán ma túy cho T, N đã tiêu xài hết.

Quá trình điều tra T còn khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 12/6/2023, Trương Anh T gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D để hỏi mua 250.000 đồng ma túy cần sa thì D đồng ý và hẹn T đến khu vực trước trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện V thuộc thôn C, xã H, huyện V để mua bán ma túy. Khoảng 15 phút sau, T và D đến chỗ hẹn. T đưa cho D 250.000 đồng, D đưa một túi nilon chứa ma túy cần sa cho T. Số ma túy trên T đã sử dụng hết. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của D, thu giữ: Tại kệ ti vi phòng khách 01 túi nilon, bên trong chứa 0,051 gam cần sa; Tại ghế gỗ dài trong phòng khách 0,133 gam cần sa và 01 dao tem có bám dính vụn cần sa; Dưới bộ điều chỉnh điện áp tại kệ ti vi 01 túi nilon, bên trong chứa 0,792 gam cần sa; Tại gầm cầu thang tầng 1: 01 lọ nhựa có nắp xoay, bên trong có chứa 1,111 gam cần sa; 01 cân tiểu ly, bên trên bề mặt có bám dính 0,006 gam vụn cần sa; 161 túi nilon; 01 điện thoại Nokia. Quá trình điều tra xác định, nguồn gốc số ma túy D bán cho T và ma túy thu giữ tại nhà D là do D mua trên mạng xã hội của một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch vào ngày 05/06/2023. Số tiền bán ma túy cho T, D đã tiêu xài hết. Ngoài bán ma túy cho T, D không bán ma túy cho ai khác.

Tại kết luận giám định số 847/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Thực vật khô thu giữ của Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P là ma túy cần sa, có tổng khối lượng là 1,953 gam.

Tại kết luận giám định số 862/KL-KTHS ngày 26/6/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Thực vật khô thu giữ tại nhà Nguyễn Văn D là ma túy cần sa có tổng khối lượng 2,093 gam.

Tại bản kết luận giám định số 4620/KL-KTHS ngày 29/6/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Tìm thấy chất ma túy Delta-9-tetrahydrocannabinol (Delta-9-THC) và các chất Cannabinol (CBN) và Cannabidiol (CBD) trong vụn thực vật bám dính tại nõ điều cày và chất lỏng trong điều cày gửi giám định. Delta-9-THC, CBN và CBD là hoạt chất chính có trong cây cần sa.

Tại bản kết luận giám định số 4621/KL-KTHS ngày 30/6/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Điều tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của cần sa trong mẫu nước tiểu của Trương Anh T, Phạm Văn P, Dương Ngọc Đ.

Tại bản kết luận giám định số 4622/KL-KTHS ngày 29/6/2023 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Điều tìm thấy sản phẩm chuyển hóa của cần sa trong mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Văn D và Nguyễn Hùng C.

Quá trình điều tra Dương Ngọc Đ, Phạm Văn P, Trương Anh T, Đinh Mai N và Nguyễn Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Hùng C có lời khai phù hợp lời khai của các bị cáo Đ, P và T về việc tối ngày 17/6/2023 C, Đ, P có bàn bạc mua ma túy về sử dụng tại nhà C và C gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy cần sa, C cho Đ số điện thoại của T để Đ liên hệ và mua ma túy của T. Trước khi Đ và P sang V mua ma túy của T, anh C đưa cho Đ 400.000 đồng để góp mua cần sa. Anh C không thấy Đ và P trở về nhà anh C, sau đó anh C được Công an huyện V triệu tập đến làm việc thì anh C mới biết Đ và P bị bắt do cất giấu ma túy trong người. Anh C không yêu cầu Đ phải trả lại 400.000 đồng.

- Chị Trương Thị T khai: Tối ngày 17/6/2023 có 3 nam thanh niên chị không quen biết, đến quán nước của chị T để uống nước. Chị T không biết 3 người đó sử dụng bật lửa và điều cày của quán để sử dụng ma túy tại quán, chị đã giao nộp cơ quan điều tra bật lửa và điều cày nên không yêu cầu nhận lại.

Bản cáo trạng số 45/CT-VKSVD ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo qui định tại các điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; Trương Anh T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo qui định tại khoản 1 Điều 251 và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; Đinh Mai N và Nguyễn Văn D về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Dương Ngọc Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt: Phạm Văn P từ 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt Trương Anh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Trương Anh T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội là 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Đinh Mai N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Trợ giúp viên pháp lý bà Dương Thị H bào chữa cho bị cáo Phạm Văn P có quan điểm: Không đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên đối với P về tội danh và mức hình phạt. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Văn P không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; xử phạt hành chính đối với P về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Ngọc Đ, Phạm Văn P, Trương Anh T, Đinh Mai N và Nguyễn Văn D đều khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Ngoài ra bị cáo P còn khai nhận vì P đã bỏ tiền mua bia để C, Đ và P uống nên P đề nghị Đ góp bù tiền cho P và cùng Đ đi mua ma túy. Bị cáo Đ khai nhận có đóng góp bù tiền cho P để cùng đi mua ma túy về sử dụng.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với Biên bản kiểm tra hành chính đối với Đ và P tại thôn Đ, xã Đ, huyện V hồi 20 giờ ngày 17/6/2023; biên bản thu giữ vật chứng của Công an huyện V; Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng C, chị Trương Thị T và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 12/06/2023, tại khu vực trước trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện V thuộc thôn H, xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn D đã một lần bán trái phép ma túy, loại cần sa cho Trương Anh T với giá 250.000 đồng.

Tối ngày 17/06/2023, tại đường 58 V thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện V, Đinh Mai N đã một lần bán trái phép ma túy, loại cần sa cho Trương Anh T với giá 1.000.000 đồng.

Sau khi mua ma túy cần sa của N, T đã bán trái phép số ma túy trên cho Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P tại quán nước của chị Trương Thị T thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện V, được Đ và P trả công bằng cách cho sử dụng ma túy cần sa cùng tại quán nước của chị T và cho một ít ma túy để về tự sử dụng.

Cũng trong buổi tối ngày 17/06/2023 tại quán nước của chị T, Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P có hành vi tổ chức, đưa trái phép chất ma túy, loại cần sa vào cơ thể của Đ, P và Trương Anh T; Trương Anh T có hành vi tổ chức đưa trái phép chất ma túy, loại cần sa vào cơ thể của Dương Ngọc Đ.

[3] Hành vi nêu trên của Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P đã cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi của Trương Anh T đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự; hành vi của Đinh Mai N và Nguyễn Văn D đã cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, làm phát sinh, lây lan các tệ nạn xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Nhưng do ý thức chấp hành pháp luật kém, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, do đó cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật, các ly các bị cáo một thời gian nhằm răn đe, phòng ngừa chung, nhất là công tác phòng, chống tội phạm ma túy trong giai đoạn hiện nay trên địa bàn.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do Đ, P và T thực hiện không có sự phân công, bàn bạc cụ thể. Bị cáo Đ và P có vai trò cung cấp ma túy, Đ trực tiếp xé nhỏ ma túy để Đ, P và T cùng sử dụng; P giúp sức cho Đ trong việc thống nhất góp tiền mua ma túy và cùng Đ đi mua ma túy; do đó Đ giữ vai trò chính, P giữ vai trò đồng phạm với Đ trong hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vào cơ thể của T, Đ và P. Bị cáo T trực tiếp đưa điều cay cho Đ sử dụng ma túy vào cơ thể Đ nên T giữ vai trò chính đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo.

Bị cáo T, N, D một lần bán ma túy nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo P có quan điểm P không phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, như đã phân tích, đánh giá, nhận định đối với hành vi của bị cáo P ở trên thì Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; xét thấy bị cáo Đ có nhân thân xấu, năm 2008 bị Toà án nhân dân thành phố C xử phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích” nên cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi và nhân thân của Đ mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra còn xem xét bị cáo P là người khuyết tật; bị cáo T có ông nội và bà nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo N đầu thú và có bà nội được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến, do đó P, T và N được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo P từ mức dưới khung hình phạt đến đầu khung hình phạt; Hội đồng xét xử thấy P là người khuyết tật và được trợ cấp xã hội hàng tháng, phạm tội lần đầu, vai trò đồng phạm không đáng kể nên xử phạt P với mức hình phạt dưới khung hình phạt, đồng thời ở mức thấp hơn đề nghị của Viện kiểm sát vẫn đảm bảo tính nghiêm minh và tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Vật chứng của vụ án:

161 túi nilon, 01 sim số 0966.632.619, 01 sim số 0879.883.686, 01 dao tem, 01 hộp nhựa màu trắng có nắp xoay, 01 cân điện tử, 01 bật lửa ga, 01 điều cày là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng; mẫu vật ma túy cần sa hoàn lại sau giám định trong phong bì niêm phong số 847/KL-KTHS ngày 23/6/2023; phong bì niêm phong số 862/KL-KTHS ngày 26/6/2023; phong bì niêm phong số 4620/KL-KTHS ngày 29/6/2023, là vật nhà nước cấm lưu hành, nên tịch thu tiêu hủy;

01 điện thoại di động Nokia màu đen của D, 01 điện thoại di động Iphone của T là công cụ phương tiện phạm tội, do đó tịch thu sung ngân sách nhà nước;

01 điện thoại Oppo màu đen, không gắn sim của D; 01 điện thoại Realme màu đen gắn sim số 0854.207.371 của P; 01 điện thoại Samsung màu trắng gắn sim số 0343.829.426, 01 xe máy Airblade màu vàng, biển số 14S1-015.88 của không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho các bị cáo sở hữu.

[8] Nguyễn Hùng C có hành vi góp tiền cùng Dương Ngọc Đ và Phạm Văn P để mua ma túy nhưng Đ và P trên đường về thì bị bắt, số ma túy thu giữ trên người Đ và P không đủ định lượng để xử lý C, Đ và P về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”. Công an huyện V đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với C về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là phù hợp pháp luật.

Đối với những người bán ma túy cho N và D, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Đình Mai N và Nguyễn Văn D bán trái phép ma túy cần sa cho Trương Anh T, trong đó Ngọc 1.000.000 đồng, D 250.000 đồng, đây là tiền do phạm tội mà có nên N và D phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Các bị cáo Đ, T, N và D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Phụng là người khuyết tật nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bào chữa của bị cáo P; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố Dương Ngọc Đ, Phạm Văn P và Trương Anh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; Trương Anh T, Đình Mai N và Nguyễn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Dương Ngọc Đ 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 18/9/2023.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 54; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Phạm Văn P 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 18/9/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 255; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Trương Anh T 02 (Hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội Trương Anh T phải chấp hành là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 20/6/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Đình Mai N 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 22/6/2023.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn D 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 20/6/2023.

Về vật chứng: Căn cứ các điểm a,c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a,c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: Mẫu vật trong phong bì niêm phong số 847/KL-KTHS ngày 23/6/2023; phong bì niêm phong số 862/KL-KTHS ngày 26/6/2023; niêm phong số 4620/KL-KTHS ngày 29/6/2023; 161 túi nilon dạng túi zip; 01 bật lửa ga màu đỏ; 01 sim số 0966.632.619 và 01 sim số 0879.883.686 .

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia màu đen của Nguyễn Văn D và 01 điện thoại di động Iphone của Trương Anh T.

- Trả lại: Nguyễn Văn D 01 điện thoại Oppo màu đen không gắn sim; Phạm Văn P 01 điện thoại Realme màu đen gắn sim số 0854.207.371; Dương Ngọc Đ 01 điện thoại Samsung màu trắng gắn sim số 0343.829.426 và 01 xe máy Airblade, biển số xe 14S1-015.88.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 08/BB-CCTHADS ngày 23/11/2023 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

Đinh Mai N và Nguyễn Văn D phải nộp ngân sách nhà nước, trong đó: N 1.000.000 đồng; D 250.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án: Dương Ngọc Đ, Trương Anh T, Đinh Mai N và Nguyễn Văn D, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án: Phạm Văn P được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các khoản 1,4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo; người bào chữa cho Phạm Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 28/3/2024; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng C và chị Trương Thị T có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người có q. lợi, ngh. vụ lq;
- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an h. V;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Cơ quan THAHS Công an h. V;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án; Văn phòng.

Trương Thị Túc